

**CÔNG TY TNHH XÂY LẮP GIA CÔNG CƠ KHÍ KẾT CẤU THÉP VÀ THƯƠNG
MẠI THANH SƠN**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY LẮP GIA CÔNG CƠ KHÍ
KẾT CẤU THÉP VÀ THƯƠNG MẠI THANH SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110685596

3. Ngày thành lập: 15/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 2, Thôn Văn Giáp, Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam

Điện thoại: 0971725687

Fax:

Email: doanson20202020@icloud.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

9.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng - Kiểm định xây dựng - Hoạt động đo đạc và bản đồ	7110
10.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, ngoại thất	7410
11.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)	4690
12.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
13.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
14.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
15.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
16.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
17.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
18.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
19.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
20.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
21.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ sản xuất vàng)	2420
22.	Đúc sắt, thép	2431
23.	Đúc kim loại màu (trừ vàng)	2432
24.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
25.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
26.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
27.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
28.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
29.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
30.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
31.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
32.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
33.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vôi và van khác	2813

34.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
35.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
36.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
37.	Sản xuất máy luyện kim	2823
38.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
39.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
42.	Bốc xếp hàng hóa	5224
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
44.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
45.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
48.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
49.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
50.	Xây dựng nhà không để ở	4102
51.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53.	Xây dựng công trình điện	4221
54.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
55.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
56.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
57.	Xây dựng công trình thủy	4291
58.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
59.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
61.	Phá dỡ (trừ nổ mìn)	4311
62.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ nổ mìn)	4312
63.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
64.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 008087000090

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đình, Xã Dân Chủ, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đình, Xã Dân Chủ, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 29/03/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 008087000090

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đình, Xã Dân Chủ, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đình, Xã Dân Chủ, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội